

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2021.

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 873/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1979

*** Bị đơn:** Anh Khổng Văn Th, sinh năm 1975

Cùng trú tại: Ấp T Ph, xã Đ ab, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(*Các đương sự vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - chị Trần Thị Thu T, trình bày:*

Chị và anh Khổng Văn Th tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Đ ab, huyện Thống Nhất (nay là Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/1997.

Quá trình chung sống, chị và anh Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Th không tu chí làm ăn để lo cho gia đình, chơi bài bạc và thường xuyên uống rượu. Chị đã khuyên can anh nhiều lần, cho anh nhiều cơ hội để thay đổi, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh Th không trăn

trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn – anh Không Văn Th:* Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Th đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; Về con chung: Chị T và anh Th không có con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Không Văn Th hiện đang cư trú tại ấp T Ph, xã Đ ab, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn – anh Không Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng anh Th vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, nguyên đơn – chị Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Không Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ab, huyện Thống Nhất (nay là Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai ngày 07/3/1997 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh

Th, vụ án được thụ lý ngày 29/10/2020 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của anh Th. Ngoài ra, tại bản tự khai của chị Trần Thị Thu Thủy (là em ruột của chị T, BL 20) cho rằng: anh Th và chị T chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Th không tu chí làm ăn mà thường đi nhậu, rồi bài bạc, chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Th không thay đổi; tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ch (là mẹ của chị T, BL 22) cho rằng: anh Th và chị T thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng 01 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Th sinh tật rượu chè, bài bạc nên bỏ bê gia đình, bà đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Đầu năm 2020, chị T đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng rút đơn, cho anh Th cơ hội hàn gắn gia đình nhưng anh Th vẫn không thay đổi nên cuối năm 2020, chị T lại tiếp tục gửi đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Th. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th là có thật, anh Th không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không còn chăm lo đến cuộc sống gia đình, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn với anh Th.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Th không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Anh Th vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, anh Th vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T.

1. Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Không Văn Th.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005955 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị T, anh Th biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đ ab,
- H. Trảng Bom; T. Đồng Nai;
(GCNKH số 08 ngày 07/3/1997)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thùy Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA